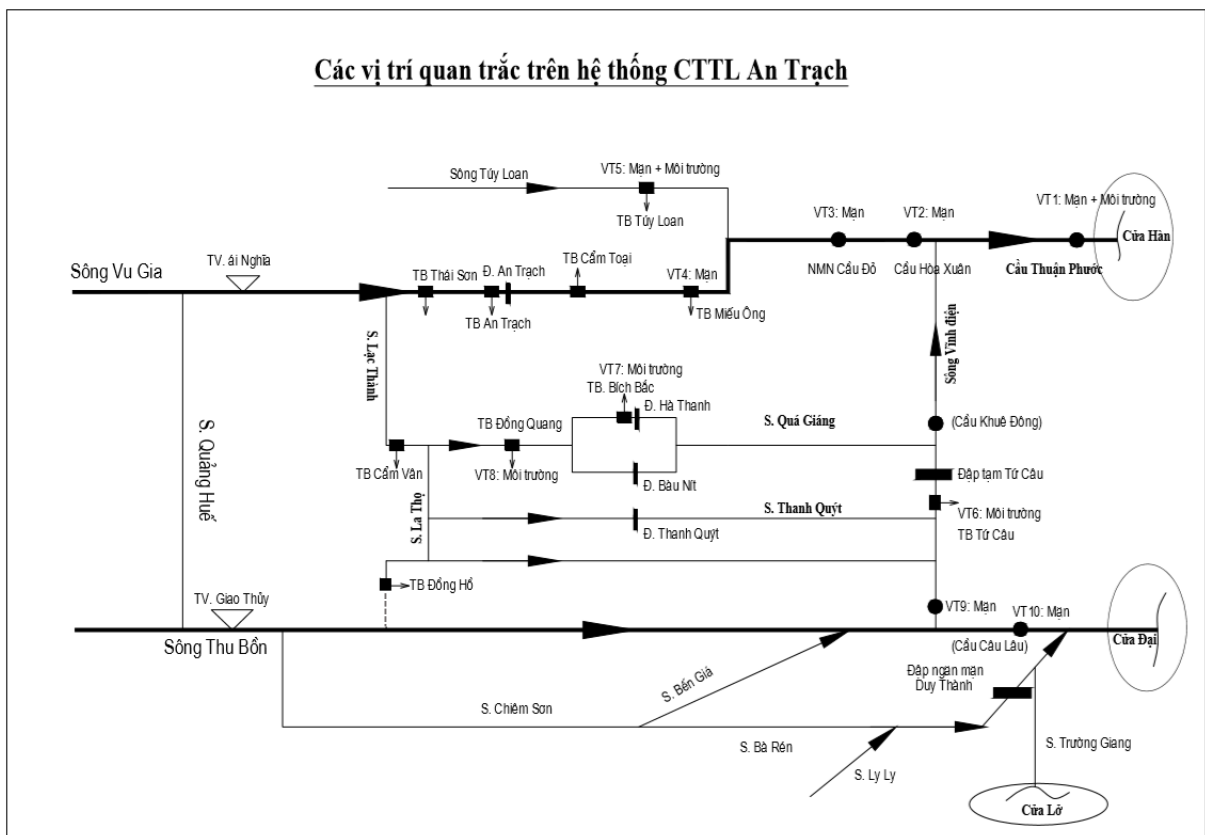


VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Nhiệm vụ “*Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Trạch, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2022*”

BẢN TIN TUẦN, KỲ 08, THÁNG 4

KẾT QUẢ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 8/4 – 14/4/2022



Hệ thống thủy lợi An Trạch

Đà Nẵng, ngày 7 tháng 4 năm 2022

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Trạch, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2022”

BẢN TIN TUẦN, KỲ 08, THÁNG 4
KẾT QUẢ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 8/4 – 14/4/2022

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

CƠ QUAN THỰC HIỆN
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI
MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

TS. Hoàng Ngọc Tuấn

Thông tin chung

Nhiệm vụ Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Trạch, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2022 được Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên thực hiện. Năm 2022, có 28 đợt lấy mẫu quan trắc chất lượng nước trong hệ thống với 10 điểm quan trắc và 13 chỉ tiêu phân tích. Trong mỗi đợt lấy mẫu có 01 bản tin kết quả dự báo chất lượng nước. Các bản tin được đưa lên websites tại địa chỉ www.cviwr.vn và được gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả dự báo chất lượng nước kỳ 08 lấy mẫu ngày 6/4/2022, nội dung gồm: Kết quả độ mặn, kết quả phân tích các chỉ tiêu; kết quả tính chỉ số WQI; kết quả đánh giá chất lượng nước phục vụ SXNN theo các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh và chỉ số WQI; kết quả dự báo diễn biến xâm nhập mặn; cùng với những khuyến cáo về chất lượng nước khi sử dụng phục vụ SXNN.

Đà Nẵng, ngày 7 tháng 4 năm 2022

BẢN TIN DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO TUẦN

Đợt 08

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Trạch, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2022.

2. Giới thiệu chung về hệ thống thủy lợi An Trạch

Hệ thống thủy lợi An Trạch là hệ thống thủy lợi liên tỉnh thuộc lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, bao gồm bốn đập dâng (An Trạch trên sông Yên, Bàu Nít trên sông Bàu Sấu, Hà Thanh trên sông Quá Giáng và Thanh Quýt trên sông La Thọ) và 10 trạm bơm điện phục vụ tưới cho 9.700ha đất của 2 tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng và cấp nước sinh hoạt với lưu lượng 350.000m³/ngày đêm (sau năm 2010).

3. Ngày quan trắc: 6/4/2022.

4. Ngày cung cấp thông tin: 7/4/2022.

5. Đơn vị thực hiện: Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên

- TS. Hoàng Ngọc Tuấn (Chủ nhiệm)
- ThS. Đặng Thị Nga
- ThS. Nguyễn Ngọc Vinh
- KS. Võ Thị Tuyết
- ThS. Lê Thị Sương
- ThS. Đoàn Tiến Đạt
- KS. Nguyễn Thúy Hằng

6. Người cung cấp thông tin: Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên.

7. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

8. Vị trí lấy mẫu: 10 vị trí

Bảng 1. Vị trí các trạm đo và lý do lựa chọn vị trí đo năm 2022

| TT | Ký hiệu | Địa điểm | Mục đích quan trắc |
|----|---------|---|--|
| 1 | VT1 | Cầu Thuận Phước | - Quan trắc độ mặn để làm biên dưới cho mô hình - Quan trắc chất lượng nước trước khi đổ ra biển (biên dưới). |
| 2 | VT2 | Cầu Hòa Xuân | - Quan trắc độ mặn trên sông Cẩm Lệ. |
| 3 | VT3 | Thượng lưu NMN Cầu Đỏ | - Quan trắc độ mặn trước nhà máy nước Cầu Đỏ. |
| 4 | VT4 | Trạm bơm Miếu Ông trên sông Yên (hạ du đập dâng An Trạch) | - Quan trắc và dự báo độ mặn để phục vụ trạm bơm tưới |
| 5 | VT5 | Trạm bơm Túy Loan trên sông Túy Loan | - Quan trắc và dự báo độ mặn để phục vụ trạm bơm tưới. - Quan trắc chất lượng nước trên nhánh sông Túy Loan. |
| 6 | VT6 | Trạm bơm Tứ Cầu (sông Vĩnh Điện) | - Quan trắc chất lượng nước ở cửa ra kênh xả của khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc |
| 7 | VT7 | Trạm bơm Bích Bắc (thượng lưu đập dâng Hà Thanh) | - Quan trắc chất lượng nước của trạm bơm Bích Bắc, tưới cho 1.625ha |

| TT | Ký hiệu | Địa điểm | Mục đích quan trắc |
|----|---------|-------------------------------|---|
| 8 | VT8 | Trạm bơm Đông Quang | - Quan trắc chất lượng nước của trạm bơm Đông Quang, tưới cho 2.410ha |
| 9 | VT9 | Vòm Cẩm Đồng (sông Vĩnh Điện) | - Quan trắc và dự báo độ mặn sông Vĩnh Điện để phục vụ trạm bơm tưới. |
| 10 | VT10 | Cầu Câu Lâu (sông Thu Bồn) | - Quan trắc và dự báo độ mặn trên sông Thu Bồn |

9. Thông tin lúc lấy mẫu: Trời mưa.

Một số hình ảnh lấy mẫu hiện trường ngày 6/4/2022 tại các vị trí quan trắc:



Hình 1: Cầu Thuận Phước



Hình 2: Cầu Hoà Xuân



Hình 3: Trạm bơm Tuý Loan



Hình 4: Trạm bơm Tứ Cầu



Hình 5: Trạm bơm Đông Quang



Hình 6: Cầu Câu Lâu

I/ KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC

1.1. Kết quả đo độ mặn (VT1, VT2, VT3, VT4, VT5, VT9, VT10)

Bảng 2. Kết quả đo độ mặn trung bình ngày

| TT | Độ mặn (‰) | | | | | | |
|----------|---------------|---------------|---------------|----------------|----------------|----------------|-----------------|
| | VT1 9h17ph | VT2 9h46ph | VT3 9h57ph | VT4 10h38ph | VT5 10h31ph | VT9 11h31ph | VT10 11h50ph |
| Ngày 6/4 | 2,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 | 0,00 |

1.2. Kết quả phân tích chất lượng nước (VT1, VT5, VT6, VT7, VT8)

Bảng 3. Kết quả phân tích chất lượng nước ngày 30 tháng 3 năm 2022 (trung bình ngày)

| TT No | Tên chỉ tiêu (Test properties) | Phương pháp thử (Test methods) | Đơn vị tính (Unit) | Kết quả thử nghiệm (Test results) | | | | | Cột B ₁ QCVN0- MT:2015/BTNMT |
|------------|---|--|-----------------------|--------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|---|
| | | | | VT1-30-03 | VT5-30-03 | VT6-30-03 | VT7-30-03 | VT8-30-03 | |
| 1 | pH ⁽¹⁾⁽²⁾⁽³⁾ | TCVN 6492:2011 | - | 7,34 | 7,27 | 7,33 | 7,22 | 7,16 | 5,5-9 |
| 2 | Độ dẫn điện (EC) | SMEWW 2510B:2012 | mS/cm | 14197 | 110 | 87,5 | 59,3 | 67,8 | |
| 3 | Oxy hòa tan (DO ⁽¹⁾⁽²⁾) | TCVN 7325: 2004 | mg/L | 6,3 | 5,86 | 6 | 6,14 | 5,97 | ≥4 |
| 4 | Clorua(Cl ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾ | TCVN 6494-1:2011 | mg/L | 167 | 4,297 | 5,385 | 3,579 | 3,427 | 350 |
| 5 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS ⁽¹⁾⁽²⁾) | TCVN 6625:2000 | mg/L | 14,7 | 19,6 | 20,1 | 15,8 | 12,3 | 50 |
| 6 | Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅ ⁽¹⁾⁽²⁾) | TCVN 6001-1:2008 | mg/L | 8,8 | 10,5 | 14,6 | 10,9 | 8,3 | 15 |
| 7 | Nhu cầu oxy hóa học (COD ⁽¹⁾) | SMEWW 5220C:2012 | mg/L | 12 | 14 | 17 | 12 | 11 | 30 |
| 8 | Nitrat NO ₃ ⁻ -N ⁽¹⁾⁽²⁾ | US EPA Method 352.1 | mg/L | 9 | 0,273 | 0,365 | 0,217 | 0,224 | 10 |
| 9 | Amoni NH ₄ ⁺ -N ⁽¹⁾⁽²⁾ | SMEWW 4500 NH ₃ B,F:2012 | mg/L | 0,322 | 0,378 | 0,428 | 0,325 | 0,396 | 0,9 |
| 10 | Photphat PO ₄ ³⁻ -P ⁽¹⁾ | TCVN 6202:2008 | mg/L | 0,284 | 0,218 | 0,332 | 0,253 | 0,256 | 0,3 |
| 11 | Nitrit NO ₂ ⁻ -N ⁽¹⁾⁽²⁾ | TCVN 6178:1996 | mg/L | 0,006 | 0,007 | 0,012 | 0,007 | 0,008 | 0,05 |
| 12 | Tổng Coliform ⁽¹⁾ | TCVN 6187-2:1996 | MPN/100m L | 350 | 390 | 566 | 382 | 364 | 7500 |
| 13 | Nhiệt độ | | °C | 26,5 | 28,8 | 29,1 | 27,4 | 27,6 | |
| 14 | Độ đục | | NTU | 4,69 | 7,67 | 13,89 | 23,4 | 23,55 | |
| WQI | | | | 90 | 89 | 86 | 90 | 90 | |

Ghi chú: QCVN08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Trong đó:

- Cột B₁: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự (Vị trí áp dụng: VT1, VT5, VT6, VT7, VT8)

II. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ SỐ WQI

Bảng 4. Kết quả tính toán chỉ số WQI tại các vị trí

| TT | VT lấy mẫu | | WQI | Đánh giá | Màu thể hiện | | Xếp loại |
|----|------------|-----------------|-----|---------------------|--------------|--|----------|
| 1 | VT1 | Cầu Thuận Phước | 90 | Chất lượng nước tốt | Xanh lá cây | | Tốt |
| 2 | VT5 | TB Túy Loan | 89 | Chất lượng nước tốt | Xanh lá cây | | Tốt |
| 3 | VT6 | TB Tứ Câu | 86 | Chất lượng nước tốt | Xanh lá cây | | Tốt |
| 4 | VT7 | TB Bích Bắc | 90 | Chất lượng nước tốt | Xanh lá cây | | Tốt |
| 5 | VT8 | TB Đông Quang | 90 | Chất lượng nước tốt | Xanh lá cây | | Tốt |

Ghi chú: Đánh giá theo hướng dẫn kỹ thuật tính toán và công bố chỉ số chất lượng nước Việt Nam (VN_WQI) ban hành theo Quyết định 1460/QĐ-TCMT, ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường. Trong đó:

WQI từ 91-100: Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt

WQI từ 76-90: Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp;

WQI từ 51-75: Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác;

WQI từ 26-50: Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác;

WQI từ 10-25: Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai;

WQI <10: Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý.

III. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

3.1. Về độ mặn

Theo số liệu quan trắc ngày 6/4/2022, tại thời điểm quan trắc, các vị trí trạm bơm đều không bị nhiễm mặn.

3.2. Về chất lượng nước

Tại các vị trí quan trắc chất lượng nước, so sánh với cột B1 trong QCVN08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B1 nhận thấy: các chỉ tiêu quan trắc tại các vị trí cơ bản đều nằm trong giới hạn cho phép để cấp nước tưới, chỉ có vị trí VT6- Trạm bơm Tứ Câu có chỉ tiêu Photphat $PO_4^{3-}P^{(1)}$ vượt quá giới hạn cho phép. Kết quả tính toán chỉ số chất lượng nước WQI tại các vị trí quan trắc đều đạt mức tốt, đảm bảo cho mục đích tưới tiêu cũng như các mục đích tương tự khác.

IV. DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC: Từ ngày 8/4/2022 đến ngày 14/4/2022

1. Thông tin chung

a. Đặc điểm khí tượng, thủy văn và nguồn nước:

✚ Thời tiết:

Theo dự báo của Trung tâm KTTV Quốc Gia, thời kỳ 10 ngày giữa tháng (từ 11-20/4), ở khu vực thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam có nền nhiệt dao động từ 26-28°C, lượng mưa phổ biến tại Đà Nẵng từ 15-30mm, tại Quảng Nam từ 20-40 mm vùng núi cao có nơi cao hơn.

✚ Thủy văn:

Trong tháng 04/2022, mực nước trên các sông khu vực Trung Trung Bộ chủ yếu biến đổi chậm và có xu thế hạ thấp dần. Mực nước trung bình tháng 04/2022 trên các sông ở mức xấp xỉ, cao hơn TBNN cùng kỳ, trung lưu sông Vu Gia- Thu Bồn ở mức thấp hơn.

b. Tóm tắt tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản:

Hiện nay, trên địa bàn lúa đang trong giai đoạn hạt chín sừa.

c. Tình hình vận hành công trình thủy lợi:

Hệ thống thủy lợi An Trạch đang vận hành theo đúng quy trình đã được phê duyệt.

d. Hiện trạng các công trình đập dâng, đập ngăn mặn

Ngoài hệ thống các đập dâng thuộc hệ thống thủy lợi An Trạch: An Trạch, Hà Thanh, Bàu Nít, Thanh Quýt và đập ngăn mặn Duy Thành đã được xây dựng kiên cố. Hiện tại khu vực nghiên cứu có 01 đập tạm dâng nước trên sông Quảng Huế (xây dựng năm 2021) và 01 đập tạm ngăn mặn Tứ Câu trên sông Vĩnh Điện. Do ảnh hưởng của mưa lũ lớn kéo dài, tối ngày 01/04/2022, đập tạm Tứ Câu đã bị vỡ một phần. Ngày 06/4/2022, UBND tỉnh Quảng Nam đã ra công văn sửa chữa lại đập thời vụ ngăn mặn, giữ ngọt trên sông Vĩnh Điện.

Bảng 6. Bảng thống kê các đập ngăn mặn

| TT | Tên đập | Tọa độ | | Vị trí | Hình thức | Quy mô |
|----|------------|--------------|---------------|---------------------------------|----------------|--|
| | | X | Y | | | |
| 1 | An Trạch | 15°57'19,5"N | 108°09'16,6"E | Xã Hòa Tiến, Hòa Vang, ĐN | Đập dâng | 12 x (4,0 x 4,5) |
| 2 | Hà Thanh | 15°57'10,2"N | 108°11'48,4"E | Hòa Vang, ĐN | Đập dâng | 7 x (2,35 x 1,85) |
| 3 | Bàu Nít | 15°56'57,1"N | 108°12'10"E | Xã Điện Hòa, Điện Bàn, QN | Đập dâng | 6 x (4,2 x 3,8) |
| 4 | Thanh Quýt | 15°54'58"N | 108°13'01"E | Xã Điện Thắng Nam, Điện Bàn, QN | Đập dâng | 6 x (3,8 x 2,5) |
| 5 | Duy Thành | 15°49'54,5"N | 108°19'45,8"E | Xã Duy Thành, Duy Xuyên, QN | Đập ngăn mặn | Dài 300m, gồm cửa van sập 4 x (20 x 4)m và 2 đập tràn BT |
| 6 | Tứ Câu | 15°57'19,5"N | 108°09'16,6"E | Xã Điện Ngọc, Điện Bàn, QN | Đập tạm | Dài 105m, rộng TB 5,2m |
| 7 | Quảng Huế | 15°52'14,3"N | 108°06'14,2"E | Xã Đại Cường, Đại Lộc, QN | Đập tạm | Dài 360m, cao TB 5m, rộng 7-8m |

(Nguồn: Nhóm thực hiện)

2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần tới (từ 8/4 - 14/4)

2.1. Cơ sở xây dựng phương án dự báo

Để dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần tới căn cứ theo các cơ sở sau:

- Kết quả thực địa lấy mẫu và phân tích các mẫu chất lượng nước tại các vị trí.
- Bộ mô hình thủy văn, thủy lực đã được hiệu chỉnh, kiểm định và đã được cập nhật mới nhất năm 2022 cho lưu vực Vu Gia - Thu Bồn.

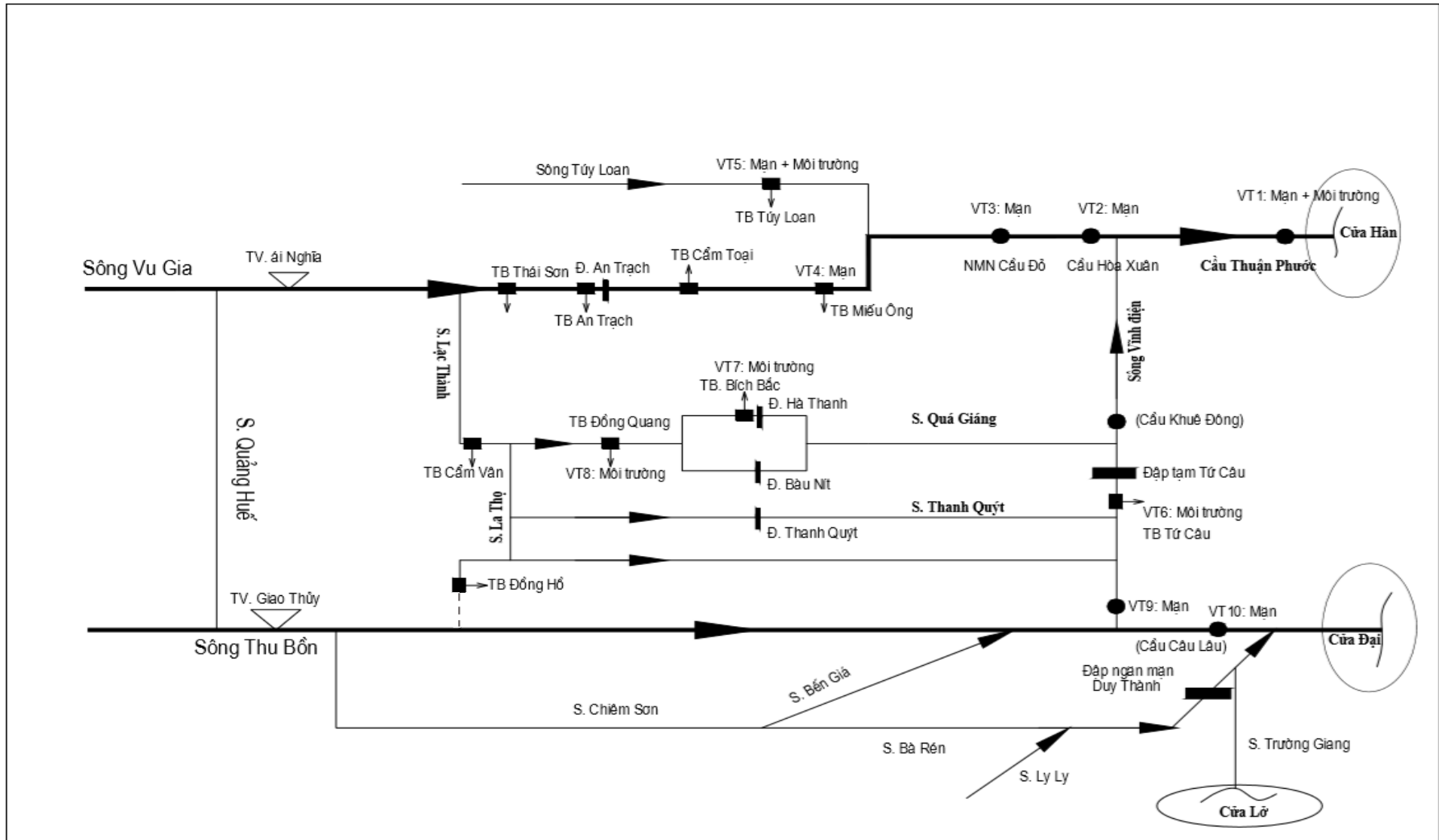
- Số liệu khí tượng, hải văn dự báo từ ngày 8/4 - 14/4 do Đài Khí tượng Thủy văn Trung Trung Bộ cung cấp.

- Số liệu lưu lượng xả của 06 thủy điện làm biên đầu vào của mô hình: căn cứ theo QTVH liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn ban hành theo Quyết định số 1865/QĐ-TTg và số liệu vận hành thực tế của các nhà máy thủy điện được công bố trên trang web của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Nam.

- Đã mô phỏng các công trình ngăn mặn trên hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn như: đập ngăn mặn Duy Thành (trên sông Ly Ly), đập tạm Tứ Câu (trên sông Vĩnh Điện), đập tạm Quảng Huế.

2.2. Cơ sở dữ liệu phục vụ tính toán

- Mạng lưới sông Vu Gia - Thu Bồn đưa vào tính toán:



Hình 7. Sơ đồ mạng lưới sông Vu Gia – Thu Bồn đưa vào tính toán

Bảng 8. Tổng hợp lượng mưa, dự báo mưa tại các trạm chính lưu vực VG-TB

| TT | Trạm | Lượng mưa trong tuần (mm) | Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm) | Dự báo tình hình mưa tuần tới (mm) | So sánh lượng mưa tuần với cùng kỳ (+/-(%)) | |
|-------------|------------|---------------------------|------------------------------------|------------------------------------|---|----------|
| | | | | | TBNN | 2021 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | Trà My | 217 | 752,2 | 217,0 | 1096,9 | 108500.0 |
| 2 | Thành Mỹ | 220,6 | 399,0 | 220,6 | 1887,7 | Kss |
| 3 | Nông Sơn | 306,8 | 528,2 | 306,8 | 2794,4 | Kss |
| 4 | Ái Nghĩa | 461,6 | 572,4 | 461,6 | 3809,0 | 12147.4 |
| 5 | Giao Thủy | 455,8 | 599,4 | 455,8 | 5088,1 | Kss |
| 6 | Khâm Đức | 183,6 | 566,0 | 183,6 | Kss | 30600.0 |
| 7 | Hội Khách | 296,8 | 420,4 | 296,8 | 2916,5 | 2214.9 |
| 8 | Hiên | 241,8 | 509,6 | 241,8 | Kss | 547.1 |
| 9 | Câu Lâu | 403,6 | 483,2 | 403,6 | 7655,4 | Kss |
| 10 | Hiệp Đức | 214,2 | 471,0 | 214,2 | 1698,1 | Kss |
| 11 | Tiên Phước | 233,8 | 579,0 | 233,8 | Kss | Kss |
| 12 | Tam Kỳ | 440,2 | 650,6 | 440,2 | 3517,7 | Kss |
| 13 | Cẩm Lệ | 431,6 | 500,8 | 431,6 | 5276,9 | Kss |
| 14 | Đà Nẵng | 418,2 | 501,4 | 418,2 | 5538,2 | Kss |
| Tổng | | 4525,6 | 7533,2 | | | |

Ghi chú: (x): không có số liệu; (kss): không so sánh vì giá trị đo được bằng 0

(Nguồn: Đài KTTV Trung Trung Bộ)

Nhận xét: Theo Đài KTTV Trung Trung Bộ, lượng mưa bình quân cộng dồn từ đầu năm đến nay tại các trạm đo mưa chính trên địa bàn vùng nghiên cứu đạt 7533,2 mm. Dự báo trong tuần tới trên lưu vực sẽ có mưa với tổng lượng mưa phổ biến từ 183,6 mm đến 461,6 mm.

Bảng 9: Mực nước trung bình tại các trạm thủy văn trong tuần

| TT | Trạm | H _{tb} (cm) | Mực nước max, min, TBNN cùng thời kỳ (cm) | | |
|----|-----------|----------------------|---|------|-----|
| | | | Min | TBNN | Max |
| 1 | Cẩm Lệ | 29 | -84 | -10 | 73 |
| 2 | Ái Nghĩa | 363 | 173 | 265 | 460 |
| 3 | Câu Lâu | 51 | -77 | -3 | 87 |
| 4 | Giao Thủy | 116 | 0 | 108 | 363 |

(Nguồn: Đài KTTV Trung Trung Bộ)

Nhận xét: Mực nước trung bình trong tuần qua tại trạm thủy văn Ái Nghĩa là 3,63 m, cao hơn trong khoảng mực nước giới hạn (2,67m-2,80m) quy định theo QTVH 1865/2019/QĐ-TTg.

Bảng 10. Theo dõi vận hành các hồ chứa thủy điện chính trên lưu vực sông VG-TB

(Ngày 7/4/2022)

| TT | Tên công trình | Dung tích thiết kế (triệu m ³) | | Q _{đén} (m ³ /s) | Q _{xả} (công/tràn) (m ³ /s) | Q _{chạy máy} (m ³ /s) | Giới hạn MN cho phép theo QTVH 1865 (m) | MNTB (m) 7h ngày 7/4 | So sánh |
|-------------|----------------|--|-----------------|--------------------------------------|---|---|---|----------------------|---------|
| | | W _{tb} | W _{hi} | | | | | | |
| 1 | A Vương | 343,6 | 266,5 | 29,52 | 0,00 | 66,12 | 370,8-373,4 | 376,03 | Cao hơn |
| 2 | Sông Tranh 2 | 729,2 | 521,1 | 70,61 | 5,70 | 150,18 | 169,1-171,3 | 172,58 | Cao hơn |
| 3 | Đăk Mi 4 | 312,4 | 158,3 | 49,50 | 6,20 | 72,06 | 254,3-255,9 | 256,93 | Cao hơn |
| 4 | Sông Bung 4 | 510,8 | 234,0 | 69,11 | 0,00 | 156,00 | 217,0-218,6 | 220,64 | Cao hơn |
| Tổng | | 1896,0 | 1179,9 | | | | | | |

(Nguồn: BCH PCTT&TKCN tỉnh Quảng Nam)

Nhận xét: Tại thời điểm ngày 7/4/2022, mực nước tại 4 hồ thủy điện A Vương, Sông Tranh 2, Đăk Mi 4 và Sông Bung 4 đều cao hơn khoảng quy định tại Phụ lục III QTVH 1865/2019/QĐ-TTg. Vì vậy lưu lượng xả dự kiến tại các nhà máy thủy điện từ ngày 8/4 - 14/4 như bảng 11.

Bảng 11. Thống kê lưu lượng xả các nhà máy thủy điện (từ 8/4– 14/4/2022)

| TT | Tên thủy điện | Lưu lượng xả (m ³ /s) | Thời gian xả |
|----|----------------------|----------------------------------|---|
| 1 | Sông Côn 2 bậc 2 | 2,0 | 12 giờ/ ngày (từ 09 giờ đến 21 giờ) |
| 2 | Đăk Mi 4 (về Vu Gia) | 6,0 | 12 giờ/ngày (từ 21 giờ đến 09 giờ sáng hôm sau) |
| 3 | Sông Bung 6 | 80 | 12 giờ/ngày (từ 11 giờ đến 23 giờ) |
| 4 | Đăk Mi 4C | theo vận hành thực tế | |
| 5 | Sông Tranh 4 | 50 | 7 giờ/ngày |
| 6 | Khe Diên | 5,0 | 24 giờ/ngày |

2.3. Kết quả dự báo xâm nhập mặn (tại 7 vị trí: VT1, VT2, VT3, VT4, VT5, VT9, VT10)

Theo kết quả dự báo từ ngày 08/04 - 14/04 độ mặn tại 07 vị trí có xu hướng tăng nhẹ so với tuần trước. Độ mặn dự báo tại các vị trí như sau:

- Tại VT1 (cầu Thuận Phước): độ mặn dao động từ 11,5‰ đến 12,9‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 12,9 ‰ vào lúc 13h, 08/04/2022.
- Tại VT2 (cầu Hòa Xuân): độ mặn dao động từ 1,5‰ đến 2,2‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 2,2‰ vào lúc 14h, 08/04/2022.
- Tại VT3 (thượng lưu Cầu Đỏ): độ mặn dao động từ 0,15‰ đến 0,18‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 0,18‰ vào lúc 14h, 08/04/2022.
- Tại VT4 (trạm bơm Miếu Ông): không bị nhiễm mặn.
- Tại VT5 (trạm bơm Túy Loan): không bị nhiễm mặn.
- Tại VT9 (Vòm Cẩm Đồng): không bị nhiễm mặn.
- Tại VT10 (cầu Câu Lâu): độ mặn dao động từ 1,0‰ đến 1,5‰; độ mặn lớn nhất dự báo khoảng 1,5‰ vào lúc 15h, 08/04/2022.

V. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Theo kết quả tính toán của Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên, chất lượng nước ở các điểm quan trắc đều tốt, đảm bảo yêu cầu chất lượng nước tưới cho nông nghiệp. **Dự báo từ ngày 08/04 đến 14/04, độ mặn trên các sông tiếp tục ở mức thấp, tại vị trí các trạm bơm đều không bị nhiễm mặn.**

Trong quá trình vận hành hệ thống An Trạch các đơn vị liên quan cần chú ý:

- *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng:* cần quan tâm chỉ đạo Chi cục Thủy lợi và Công ty Khai thác thủy lợi theo dõi diễn biến xâm nhập mặn, chất lượng nước để chủ động điều chỉnh các giải pháp ứng phó kịp thời và hiệu quả nhằm cấp nước cho cây trồng vụ Đông Xuân.

- *Công ty TNHH MTV KTTL Đà Nẵng:*

+ Cần quản lý chặt chẽ nguồn nước và đảm bảo tưới cho các diện tích trong hệ thống; chỉ đạo các đơn vị theo dõi diễn biến mực nước, bám sát lịch thủy triều, lịch vận hành xả nước của các nhà máy thủy điện cũng như diễn biến xâm nhập mặn để đưa ra phương án vận hành đảm bảo cấp nước an toàn cho vụ Đông Xuân.

+ Thực hiện vận hành các đập dâng An Trạch, Hà Thanh theo quy định tại khoản 1, Điều 26 của QTVH 1865/2019/QĐ-TTg để đảm bảo mực nước yêu cầu tại các trạm bơm trên hệ thống.

- *Công ty TNHH MTV KTTL Quảng Nam:*

+ Cần quản lý chặt chẽ nguồn nước và đảm bảo tưới cho các diện tích trong hệ thống; chỉ

đạo các đơn vị theo dõi diễn biến mực nước, bám sát lịch thủy triều, lịch vận hành xả nước của các nhà máy thủy điện cũng như diễn biến xâm nhập mặn để đưa ra phương án vận hành các trạm bơm hợp lý để đảm bảo cấp nước an toàn cho vụ Đông Xuân.

+ Thực hiện vận hành các đập dâng Bầu Nít, Thanh Quýt theo quy định tại khoản 1, Điều 26 của QTVH 1865/2019/QĐ-TTg nhằm đảm bảo mực nước yêu cầu vận hành các trạm bơm trong hệ thống.

- *Nhà máy nước Cầu Đỏ*: Theo kết quả dự báo độ mặn tại vị trí Cầu Đỏ trong tuần tới từ **ngày 08/04 - 14/04 có khả năng dao động từ 0,15‰ ÷ 0,18‰**, khuyến cáo Nhà máy nước Cầu Đỏ cần theo dõi diễn biến độ mặn tại vị trí này để có phương án vận hành khai thác theo quy định tại Mục a, Khoản 2, Điều 15 Quyết định số 1865/2019/QĐ-TTg nhằm đảm bảo cấp nước an toàn.

- *Đối với các nhà máy thủy điện*: Các chủ hồ vận hành các hồ tuân theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1865/2019/QĐ-TTg và Điều 28 Luật Thủy lợi nhằm hỗ trợ công tác phòng chống hạn hán xâm nhập mặn vùng hạ du. Trong quá trình vận hành cần có sự phối hợp vận hành giữa các nhà máy thủy điện có liên quan để đưa mực nước về Phụ lục III trong QTVH 1865/2019/QĐ-TTg.

- Các cơ quan liên quan cần liên tục cập nhật, thông tin thường xuyên về tình hình xâm nhập mặn để chủ động điều chỉnh các giải pháp ứng phó kịp thời và hiệu quả; hướng dẫn thực hiện các biện pháp giảm mặn, tưới tiết kiệm để giảm thiểu thiệt hại do mặn gây ra.

Chúng tôi sẽ quan trắc thường xuyên và đưa ra những khuyến cáo kịp thời nhằm có phương án ứng phó trong trường hợp xấu.

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 04 năm 2022

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN
VIỆN TRƯỞNG
(Đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn